



**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội



Công ty cổ phần thủy điện Hương Sơn Mã chứng khoán: GSM

Trụ sở chính: Km70, Quốc lộ 8A, Sơn Kim1, Hương Sơn, Hà Tĩnh

Điện thoại: 0393.876.017 Fax: 0393.876.017

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Danh Công

Địa chỉ: Phòng TCKT-KT, Công ty CP thủy điện Hương Sơn - Km70, Quốc lộ 8A, Sơn Kim1, Hương Sơn, Hà Tĩnh;

Điện thoại (cơ quan): 0393.516.658 Fax: 0393.876.017

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Hội đồng quản trị Công ty CP thủy điện Hương Sơn ban hành Quyết định số: 12/GSM-HĐQT-QĐ ngày 22/7/2016 về việc: Phê duyệt Dự án đầu tư Nhà máy thủy điện Hương Sơn 2 (Chi tiết có Quyết định kèm theo);

Thông tin này đã được công bố trên Website Công ty: thuydienhuongson.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

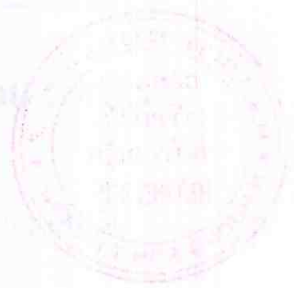
Ngày 23 tháng 7 năm 2016

Người thực hiện công bố thông tin

Nguyễn Danh Công

1000

1000



1000

Faint, illegible text in the middle section of the page.

Faint, illegible text in the lower middle section of the page.

Handwritten signature in blue ink.

Handwritten text below the signature.

Số: 12 /GSM-HĐQT-QĐ

Hà Tĩnh, ngày 22 tháng 7 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án đầu tư Nhà máy thủy điện Hương Sơn 2

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Căn cứ Luật Xây dựng số: 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số: 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.
- Căn cứ Văn bản số: 1677/CV-NLDK ngày 09/04/2004 về việc quy hoạch Dự án thủy điện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh và Quyết định số: 3454/QĐ-BCN ngày 18/10/2005 về việc phê duyệt Quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc theo của Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương).
- Căn cứ Văn bản số: 786/UBND-TM1 ngày 22/03/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc Bổ sung thủy điện Hương Sơn 2 vào quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ toàn quốc;
- Căn cứ Quyết định số: 2668/QĐ-BCT ngày 20/05/2010 của Bộ Công Thương phê duyệt bổ sung Quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc theo.
- Căn cứ Quyết định số: 929/QĐ-BCT ngày 10/3/2016 của Bộ Công thương Vv: Điều chỉnh quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc.
- Căn cứ Quyết định số: 594/QĐ-BTNMT ngày 24/3/2016 của Bộ Tài nguyên Môi trường Vv: Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy thủy điện Hương Sơn 2”
- Căn cứ Văn bản: 332/SCT-TĐTKCS ngày 24/3/2016 của Sở Công thương Hà Tĩnh Vv: Thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở DA thủy điện Hương Sơn 2;
- Căn cứ Nghị quyết số: 01/GSM-ĐHĐCĐ-NQ ngày 26/5/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 - Công ty CP thủy điện Hương Sơn;
- Căn cứ báo cáo thẩm tra dự án đầu tư (Điều chỉnh) của Công ty cổ phần tư vấn Sông Đà;
- Căn cứ hồ sơ lập dự án đầu tư thủy điện Hương Sơn 2 (Điều chỉnh) do Viện thủy điện và năng lượng tái tạo lập sau thẩm tra.



- Căn cứ Báo cáo thẩm định Dự án Nhà máy thủy điện Hương Sơn 2 của Hội đồng thẩm định Công ty CP thủy điện Hương Sơn;

- Căn cứ Tờ trình số: 28 /GSM-TGD-TT ngày 15/7/2016 Về việc: Xin phê duyệt dự án đầu tư Nhà máy thủy điện Hương Sơn 2;

- Căn cứ Nghị quyết số: 15/GSM-HĐQT-NQ ngày 22/7/2016 của HỘI đồng quản trị Công ty CP thủy điện Hương Sơn Vv Phê duyệt dự án đầu tư Nhà máy thủy điện Hương Sơn 2;

- Căn cứ tình hình thực tế của công trình Nhà máy Thủy điện Hương Sơn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư Nhà máy thủy điện Hương Sơn 2 với các nội dung sau:

1.1 Tên dự án: Dự án Nhà máy thủy điện Hương Sơn 2;

1.2. Chủ đầu tư: Công ty CP thủy điện Hương Sơn;

1.3. Đơn vị Tư vấn lập dự án: Viện thủy điện và năng lượng tái tạo;

1.4. Đơn vị tư vấn thẩm tra: Công ty CP Tư vấn Sông Đà;

1.5. Hình thức và mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Hương Sơn 2 theo hình thức BOO (Đầu tư, kinh doanh, sở hữu), vận hành Nhà máy và bán điện cho Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN);

1.6. Quy mô đầu tư:

- Công suất lắp máy: 6,4 MW;

- Điện lượng trung bình năm: 21,8 triệu kWh;

1.7. Địa điểm xây dựng: xã Sơn Kim1, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh;

1.8. Diện tích sử dụng đất: 22,9 ha;

1.9. Loại và cấp đất công trình:

- Loại công trình: Công nghiệp điện;

+ Cấp công trình: Cấp III;

1.10. Các thông số chính dự án:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú
I	Lưu vực			
1	Diện tích lưu vực Flv	Km ²	90,7	
2	Lượng mưa trung bình nhiều năm Xo	mm	2750	
3	Lưu lượng bình quân năm Qo (Khu giữa)	M ³ /s	0,815	
4	Modun dòng chảy TB nhiều năm	l/s-km ²	50,6	
II	Đầu mối			
1	Mực nước dâng bình thường MNDBT	m	283,50	
2	Mực nước chết MNC	m	282,00	
3	Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT	ha	2,62	
4	Dung tích toàn bộ	10 ³ m ³	150,2	
5	Dung tích hữu ích	10 ³ m ³	36,5	
6	Dung tích chết	10 ³ m ³	113,6	
III	Nhà máy			
1	Lưu lượng thiết kế	M ³ /s	9,24	
2	Lưu lượng phát điện tuabin	M ³ /s	3,56	
3	Lưu lượng đảm bảo	M ³ /s	1,20	
4	Cột nước lớn nhất	m	83,77	
5	Cột nước nhỏ nhất	m	82,24	
6	Cột nước trung bình	m	83,44	
7	Công suất lắp máy Nlm	MW	6,4	
8	Công suất đảm bảo Nđb	MW	0,83	
9	Số tổ máy	n	2	
IV	Điện lượng			
1	Điện lượng trung bình năm E0	10 ⁶ KWh	21,80	
2	Điện lượng trung bình mùa khô Emk	10 ⁶ KWh	11,67	
3	Điện lượng trung bình mùa mưa Emm	10 ⁶ KWh	10,13	
4	Số giờ lợi dụng công suất lắp máy h	giờ	3.405	

033
. ON
. O P
. H U
H U
/ NG

1.11. Quy mô các hạng mục công trình chính:

TT	Thông số	Đ.vị	Giá trị	Ghi chú
I	Công trình Đầu mối			
1	Đập tràn			
-	Kết cấu đập		BT M150 bọc BTCT M200	
-	Chiều dài diện tràn	m	56,0	
-	Số khoang tràn	m	02	
-	Chiều dài khoang tràn Ltrái/Lphải	m	11,0/45,0	
-	Cao trình ngưỡng tràn	m	283,50	
-	Chiều cao lớn nhất đập tràn	m	17,0	
-	Hình thức tiêu năng		Theo cấu tạo	
2	Đập dâng			
-	Cao trình đỉnh đập không tràn bờ trái/bờ phải	m	291,30/290,50	
-	Chiều dài Ltrái/ Lphải	m	16,0/17,0	
-	Chiều cao đập lớn nhất Htrái/ Hphải	m	9,50/24,0	
-	Bề rộng đỉnh đập Btrái/Bphải	m	5,0/3,0	
-	Hệ số mái đập		mtl = 0, mhl = 0,75	
3	Cống xả cát			
-	Kích thước cửa xả cát BxH	m	2,0x2,0	
-	Cao độ đáy cửa xả cát	m	272,0	
-	Số cửa xả cát	m	01	
II	Tuyến năng lượng			
1	Cửa lấy nước			
-	Lưu lượng lấy	M ³ /s	9,24	
-	Kích thước cửa BxH	m	3,5x3,5	
-	Cao độ đáy	m	276,0	
-	Cao độ đỉnh	m	290,50	

TT	Thông số	Đ.vị	Giá trị	Ghi chú
-	Số khoang cửa lấy nước		01	
2	Hầm dẫn			
-	Kết cấu		BTCT	
-	Lưu lượng lớn nhất	M ³ /s	9,24	
-	Kích thước hầm	m	3,5x3,5	
-	Cao trình đáy cửa vào hầm	m	276,0	
-	Độ dốc hầm		0,055	
-	Chiều dài hầm	m	1506,0	
3	Nhà máy			
-	Công suất lắp máy	MW	6,4	
-	Số tổ máy		2	
-	Cao trình sàn máy phát	m	203,20	
-	Cao trình sàn sửa chữa	m	207,70	
-	Cao trình lắp máy		196,70	
-	Mực nước hạ lưu lớn nhất	m	207,00	
-	Mực nước hạ lưu nhỏ nhất	m	198,20	
-	Kích thước nhà máy BxLxH	m	20,75x24,8x25,0	
-	Loại tuốc bin		Fransic	
III	Hệ thống điện và đường dây			
1	Trạm biến áp			
-	Số máy biến áp		02	
-	Cao trình mặt bằng	m	335	
-	Công suất trạm	KVA	2x5000	
-	Kích thước trạm BxL	m	33,5x47,0	
2	Đường dây tải điện			
-	Chiều dài/cấp điện áp	km/kv	0,6/110	
-	Số mạch		1	

37
3 T
HÃ
Y Đ
NG S
ON

1.12. Thiết bị cơ điện Nhà máy:

- Tuabin thủy lực: Tuabin Francis (trục đứng) loại HL240/D41;

+ Đường kính Tuabin: 71cm;

+ Công suất: 3.333 KW;

+ Lưu lượng thiết kế qua Tuabin: $Q_{TB} = 4,62 \text{ m}^3/\text{s}$

+ Cột nước thiết kế: 82,24 m;

+ Số vòng quay đồng bộ của Tuabin: 1.000 v/ph;

+ Hiệu suất của Tuabin: 92,16 %;

- Máy điều tốc:

+ Loại máy điều tốc kỹ thuật số YMT-1000;

+ Công suất máy điều tốc: 1.000 KG.m;

- Máy phát điện:

+ Máy đồng bộ, 3 pha trục đứng, tự động điều chỉnh điện áp;

+ Công suất định mức: 3.500 KW;

+ Hiệu suất: 96%;

+ Số vòng quay đồng bộ: 1.000 v/ph;

1.13. Phương án đấu nối:

Từ trạm biến áp 110KV của Nhà máy thủy điện Hương Sơn, điện năng được đưa lên hệ thống lưới điện Quốc gia bằng đường dây điện 110KV, mạch đơn, dây dẫn AC-185. Điểm đấu nối là cột số 8 đường dây 110KV Hương Sơn – Linh Cảm;

1.14. Tổng mức đầu tư: **254.348.363.000 đồng**; (Hai trăm năm mươi bốn tỷ, ba trăm bốn mươi tám triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn đồng chẵn). Cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Giá trị (Đồng)	Ghi chú
1	Chi phí xây dựng	133.150.842.455	
2	Chi phí thiết bị	52.266.362.425	
3	Chi phí bồi thường GPMB, tái định cư	2.000.000.000	
4	Chi phí quản lý dự án	3.525.244.608	
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	25.729.005.788	
6	Chi phí lãi vay	14.387.484.382	
7	Chi phí khác	7.591.048.212	
8	Chi phí dự phòng	15.698.375.244	
	Tổng cộng	254.348.363.000	

1.15. Nguồn vốn đầu tư:

TT	Nguồn vốn	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ lệ Vốn/TMĐT (%)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
1	Tự có	76,304	30	254,348
2	Vay	178,044	70	

1.16. Hiệu quả dự án:

Các chi tiết tài chính:

- FNPV: 49,03 tỷ đồng;
- FIRR: 12,36 %;
- B/C: 1,31;
- Thời gian thu hồi vốn: 13 năm 5 tháng;

1.17. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án;

1.18. Thời gian thực hiện dự án:

- Khởi công: Tháng 12/2016;
- Hoàn thành: Tháng 1/2019.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Giao cho Tổng Giám đốc Công ty tổ chức triển khai thực hiện đầu tư dự án theo đúng các quy định hiện hành của Pháp luật và Công ty đảm bảo tiến độ và hiệu quả Dự án.

Điều 3. Các ông Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng ban, bộ phận trực thuộc Công ty và các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ căn cứ quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TV HĐQT, BKS C. ty;
- Website C.ty;
- Lưu VP.

nguyễn

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Hoàng Minh Thuận
Hoàng Minh Thuận